BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
12. Nguyễn Văn Bảo – Phường Hạnh Thông – TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 8940390 – (08) 9850581 - Fax: (08) 8946268 - Website: http://www.iuh.edu.vn

BIÊN BẢN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHO SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2026

Hôm nay, ngày 16 tháng 10 năm 2026 chúng tôi gồm có:

I. Thành phần hội đồng:

1. PGS.TS. Phan Hồng Hải	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2. ThS. Trần Thị Huế Chi	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên hội đồng
3. TS. Nguyễn Trường Sa	Trưởng khoa/viện: Ngoại ngữ	Ủy viên hội đồng

II. Kết quả xét công nhận tốt nghiệp:

STT	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Lớp sinh viên	Tổng số SV được xét và công nhận tốt nghiệp	Ghi chú
1	Cao đẳng	Tiếng Anh	Cao đẳng Anh văn 20A	1	
2	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 13D	1	
3	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 13E	1	
4	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14A	1	
5	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14F	1	
6	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15B - 7220201	1	
7	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15F - 7220201	1	
8	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15H - 7220201	1	
9	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16A - 7220201	2	
10	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16B - 7220201	4	
11	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16C - 7220201	3	
12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16E - 7220201	1	
13	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16F - 7220201	2	
14	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16G - 7220201	3	
15	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16H - 7220201	3	
16	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16K - 7220201	3	
17	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16L - 7220201	3	
18	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16M - 7220201	4	
19	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16N - 7220201	1	
20	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17A - 7220201	5	
21	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17B - 7220201	4	
22	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17C - 7220201	11	
23	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17D - 7220201	8	
24	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17E - 7220201	7	
25	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17F - 7220201	7	
26	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17G - 7220201	8	
27	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17H - 7220201	5	
28	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18A - 7220201	33	
29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18B - 7220201	28	
30	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18C - 7220201	21	
31	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18D - 7220201	16	
32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18E - 7220201	29	
33	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18F - 7220201	12	
34	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18G - 7220201	20	
35	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18H - 7220201	23	
36	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18I - 7220201	14	

STT	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Lớp sinh viên	Tổng số SV được xét và công nhận tốt nghiệp	Ghi chú
37	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 19C VLVH liên thông - CDCT	1	
38	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh văn 20A liên thông VLVH	1	
	Tổng cộng:			**290**	

Kết quả xét công nhận tốt nghiệp như sau:

- Tổng số sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp: **290**

Trong đó: Bậc Đại học là 289 sinh viên.

Cuộc họp kết thúc lúc 14 giờ 30 cùng ngày. Biên bản được đọc lại cho mọi người cùng nghe và ký tên.

TP.HCM, ngày 17 tháng 10 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng	Phòng Đào tạo	Trưởng đơn vị
PGS.TS. Phan Hồng Hải	ThS. Trần Thị Huế Chi	TS. Nguyễn Trường Sa

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Xét tốt nghiệp tháng 10.2026

(kèm theo quyết định số : ..... / ĐHCN - ĐT, TP.HCM, ngày ..... tháng ..... năm .....)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
	Khoa Ngoại ngữ											
1	19456481	Lâm Tâm	Như	06/08/1999	Tỉnh Ninh Thuận	Nữ	CDAV20A	75	6.30	2.33	Trung bình	
2	17072121	Nguyễn Đinh Bích	Tuyền	04/04/1999	Tỉnh Phú Yên	Nữ	DHAV13D	129	7.20	2.82	Khá	
3	17060841	Nguyễn Thị Phượng	Hồng	15/07/1999	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	DHAV13E	129	7.10	2.78	Khá	
4	18030491	Phạm Minh	Khang	20/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV14A	126	7.10	2.79	Khá	
5	18079671	Nguyễn Viết	Trí	28/12/2000	Tỉnh Đồng Nai	Nam	DHAV14F	126	7.30	2.96	Khá	
6	19447991	Trần Anh	Khoa	28/01/2001	Tây Ninh	Nam	DHAV15B	126	6.90	2.66	Khá	
7	19499181	Quách Thành Thảo	Vy	01/06/2001	Tỉnh Cà Mau	Nữ	DHAV15F	126	6.80	2.65	Khá	
8	19507791	Lê Thị	Diệp	22/06/2000	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ	DHAV15H	126	6.60	2.50	Khá	
9	20009881	Trần Thị Lan	Anh	03/01/2002	An Giang	Nữ	DHAV16A	127	6.80	2.67	Khá	
10	20093011	Nguyễn Minh	Thi	05/07/2002	Tây Ninh	Nam	DHAV16A	127	7.20	2.91	Khá	
11	20017331	Lê Nguyễn Uyên	Đan	23/01/2002	Khánh Hòa	Nữ	DHAV16B	127	6.60	2.56	Khá	
12	20016711	Đoàn Thị Diễm	Trang	19/09/2002	Vĩnh Long	Nữ	DHAV16B	127	6.60	2.51	Khá	
13	20016951	Vũ Trần Bảo	Trang	27/09/2002	Đắk Lắk	Nữ	DHAV16B	127	6.60	2.47	Trung bình	
14	20016361	Trần Gia	Uyên	08/04/2002	Đồng Nai	Nữ	DHAV16B	127	6.60	2.51	Khá	
15	20019391	Nguyễn Huỳnh Bích	Ngọc	25/02/2002	Thành phố Cần Thơ	Nữ	DHAV16C	127	5.90	2.09	Trung bình	
16	20018981	Đặng Lê Yến	Nhi	27/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16C	127	6.40	2.40	Trung bình	
17	20025681	Nguyễn Văn Minh	Phúc	04/09/2002	Đồng Nai	Nam	DHAV16C	127	6.40	2.36	Trung bình	
18	20114061	Nguyễn Thu	Hà	19/07/2002	Lâm Đồng	Nữ	DHAV16E	127	7.60	3.10	Khá	
19	20045611	Duy Nhã	Linh	12/07/2002	Cà Mau	Nữ	DHAV16F	127	6.90	2.70	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
20	20046241	Phạm Văn	Quyết	01/04/2002	Hưng Yên	Nam	DHAV16F	127	6.60	2.54	Khá	
21	20051581	Tạ Bảo	Khanh	17/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16G	127	6.70	2.59	Khá	
22	20119481	Bùi Phan Bích	Ngọc	14/12/2002	Thành phố Cần Thơ	Nữ	DHAV16G	127	6.70	2.57	Khá	
23	20120141	Huỳnh Thị Yến	Nhi	31/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16G	127	7.70	3.20	Giỏi	
24	20067781	Đỗ Hoàng	Giang	28/03/2002	Đồng Nai	Nữ	DHAV16H	127	6.60	2.56	Khá	
25	20063461	Trương Minh	Hiếu	28/08/2002	Cà Mau	Nam	DHAV16H	127	6.70	2.57	Khá	
26	20061961	Nguyễn Phương	Tri	11/01/2002	Vĩnh Long	Nam	DHAV16H	127	7.50	3.01	Khá	
27	20115211	Đặng Thị Trâm	Anh	22/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16K	127	6.50	2.39	Trung bình	
28	20081311	Phạm Minh	Khương	25/07/2002	Đồng Nai	Nam	DHAV16K	127	6.70	2.52	Khá	
29	20082651	Lê Gia Hải	Nam	13/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16K	127	6.30	2.28	Trung bình	
30	20094981	Lê Quốc	Đô	27/05/2002	Đồng Nai	Nam	DHAV16L	127	6.80	2.61	Khá	
31	20089451	Nguyễn Hồng	Phúc	06/01/2002	Đồng Nai	Nữ	DHAV16L	127	6.70	2.51	Khá	
32	20088181	Nguyễn Minh	Thư	25/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16L	127	7.80	3.21	Giỏi	
33	20096701	Nguyễn Phúc	Thịnh	25/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16M	127	6.30	2.30	Trung bình	
34	20096101	Hoàng Quốc	Trung	21/08/2002	Thanh Hóa	Nam	DHAV16M	127	6.10	2.16	Trung bình	
35	20100871	Trương Thị Huỳnh	Tú	30/10/2002	Đồng Nai	Nữ	DHAV16M	127	6.60	2.54	Khá	
36	20097371	Nguyễn Thị Kim	Yến	18/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16M	127	6.50	2.47	Trung bình	
37	20110141	Phạm Thụy Hương	Thảo	11/10/2002	Đắk Lắk	Nữ	DHAV16N	127	7.40	3.02	Khá	
38	21004531	Phạm Thị Ngọc	Ánh	14/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17A	127	7.40	3.01	Khá	
39	21135591	Nguyễn Cao	Đăng	29/08/2003	Lâm Đồng	Nam	DHAV17A	127	6.50	2.53	Khá	
40	21077121	Đào Thị Hương	Lan	18/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17A	127	7.70	3.16	Khá	
41	21019141	Nguyễn Trần Đình	Minh	05/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV17A	127	7.30	2.94	Khá	
42	21070401	Trương Thị Hoài	Thuận	19/04/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17A	127	6.40	2.41	Trung bình	
43	21025151	Lưu Thị	Diễm	21/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	DHAV17B	127	6.90	2.71	Khá	
44	21138991	Hồ Thị Mỹ	Duyên	06/11/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17B	127	7.50	3.04	Khá	
45	21079381	Cao Trần Anh	Thơ	18/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	DHAV17B	127	6.60	2.46	Trung bình	
46	21078981	Dương Ngọc Thúy	Vy	02/12/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17B	127	6.60	2.48	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
47	21045421	Lê Quỳnh	Giang	20/03/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17C	127	7.10	2.79	Khá	
48	21046491	Hoàng Ngọc Trúc	My	31/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17C	127	6.80	2.63	Khá	
49	21042511	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	07/03/2003	Vĩnh Long	Nữ	DHAV17C	127	6.90	2.71	Khá	
50	21136851	Nguyễn Đông	Nhã	18/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17C	127	7.40	3.02	Khá	
51	21047281	Trần Thị	Nhi	29/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17C	127	7.60	3.06	Khá	
52	21043021	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	27/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17C	127	6.60	2.54	Khá	
53	21051481	Nguyễn Thị Tùng	Ni	27/04/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17C	127	6.60	2.52	Khá	
54	21043891	Vũ Như	Quỳnh	29/06/2003	Nghệ An	Nữ	DHAV17C	127	6.70	2.53	Khá	
55	21048801	Lê Minh	Thư	27/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17C	127	6.10	2.19	Trung bình	
56	21056251	Phạm Thị Phương	Trinh	02/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	DHAV17C	127	6.80	2.66	Khá	
57	21082561	Nguyễn Ngọc	Trường	18/05/2003	Đắk Lắk	Nam	DHAV17C	127	6.90	2.73	Khá	
58	21084451	Trần Thu	An	31/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17D	127	7.80	3.24	Giỏi	
59	21073041	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	06/10/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17D	127	6.80	2.63	Khá	
60	21066201	Tôn Nữ Ngọc	Huyền	16/08/2003	Đắk Lắk	Nữ	DHAV17D	127	7.10	2.80	Khá	
61	21064911	Đặng Thị Thanh	Thảo	01/01/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17D	127	6.70	2.56	Khá	
62	21072261	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	31/07/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17D	127	7.30	2.88	Khá	
63	21058161	Nguyễn Minh	Tiến	18/04/2003	Tây Ninh	Nam	DHAV17D	127	6.70	2.57	Khá	
64	21057361	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/04/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17D	127	6.90	2.67	Khá	
65	21062801	Nguyễn Phạm Như	Ý	31/05/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17D	127	7.20	2.83	Khá	
66	21094811	Trương Hồng	Ánh	02/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17E	127	8.70	3.67	Xuất sắc	
67	21089441	Đặng Quế	Kim	13/10/2003	Lâm Đồng	Nữ	DHAV17E	127	6.90	2.68	Khá	
68	21085861	Cao Phạm Phương	Nhi	09/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17E	127	7.40	3.03	Khá	
69	21089011	Phan Mai	Quỳnh	31/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17E	127	6.90	2.73	Khá	
70	21134611	Phạm Gia	Tài	31/01/2003	An Giang	Nam	DHAV17E	127	7.00	2.76	Khá	
71	21074411	Vũ Thị	Thảo	30/12/2003	Ninh Bình	Nữ	DHAV17E	127	6.90	2.67	Khá	
72	21084961	Lê Nguyễn Đông	Uyên	17/07/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17E	127	7.90	3.29	Giỏi	
73	21104251	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17F	127	7.80	3.22	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
74	21099391	Nguyễn Trần Duy	Khoa	05/05/2003	Đồng Tháp	Nam	DHAV17F	127	7.10	2.83	Khá	
75	21100121	Phan Thị Khánh	Ly	25/12/2003	Hà Tĩnh	Nữ	DHAV17F	127	6.80	2.63	Khá	
76	21109641	Lê Phạm Ngọc	Như	16/09/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17F	127	7.30	2.94	Khá	
77	21107561	Kim Chan An	Ny	22/09/2003	Vĩnh Long	Nữ	DHAV17F	127	6.60	2.51	Khá	
78	21096541	Bùi Nguyễn Ngọc	Thảo	23/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17F	127	6.60	2.51	Khá	
79	21135671	Trần Thị Cẩm	Tiên	31/07/2003	Vĩnh Long	Nữ	DHAV17F	127	7.90	3.22	Giỏi	
80	21114491	Phan Thị Nhật	Phi	08/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	DHAV17G	127	6.80	2.66	Khá	
81	21118931	Lê Ngọc	Quyên	29/08/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17G	127	6.90	2.73	Khá	
82	21121501	Dương Yến	Thư	05/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17G	127	7.20	2.85	Khá	
83	21111731	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	16/10/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17G	127	6.70	2.53	Khá	
84	21134781	Lê Thị Thu	Trang	21/12/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17G	127	6.90	2.74	Khá	
85	21134281	Phạm Thục	Trang	15/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	DHAV17G	127	6.70	2.59	Khá	
86	21120551	Ngô Anh	Tú	21/01/2003	Đồng Nai	Nam	DHAV17G	127	7.80	3.20	Giỏi	
87	21116251	Nguyễn Hoàng	Yến	13/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17G	127	7.50	3.04	Khá	
88	21129341	Trần Nguyễn Kỳ	Duyên	21/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	DHAV17H	127	6.30	2.32	Trung bình	
89	21131651	Vũ Hà Duy	Tân	13/10/2003	Đồng Nai	Nam	DHAV17H	127	7.50	3.08	Khá	
90	21128891	Lê Ngọc Minh	Thư	31/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17H	127	7.20	2.89	Khá	
91	21123801	Nguyễn Huỳnh Minh	Trang	04/08/2003	An Giang	Nữ	DHAV17H	127	7.20	2.87	Khá	
92	21134061	Lê Minh	Trí	13/01/2003	Đồng Nai	Nam	DHAV17H	127	7.80	3.24	Giỏi	
93	22639391	Danh Thị Trúc	Băng	01/06/2004	An Giang	Nữ	DHAV18A	127	7.80	3.22	Giỏi	
94	22632691	Nguyễn Thị Thanh	Châu	21/11/2003	Lâm Đồng	Nữ	DHAV18A	127	7.30	2.93	Khá	
95	22634171	Nguyễn Văn	Đại	30/09/2004	Đồng Nai	Nam	DHAV18A	127	7.90	3.28	Giỏi	
96	22638741	Võ Lê Tâm	Đoan	01/02/2003	Cà Mau	Nữ	DHAV18A	127	8.00	3.33	Giỏi	
97	22634301	Nguyễn Lê Thúy	Duy	01/11/2004	Vĩnh Long	Nữ	DHAV18A	127	7.20	2.91	Khá	
98	22633951	Nguyễn Thị Thu	Duyên	12/05/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18A	127	7.80	3.17	Khá	
99	22639211	Lê Trường	Giang	28/08/2004	An Giang	Nam	DHAV18A	127	7.40	3.02	Khá	
100	22632701	Nguyễn Quốc	Giang	09/01/2004	Lâm Đồng	Nam	DHAV18A	127	8.20	3.46	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCTK_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
101	22632981	Nguyễn THị Ngọc	Hân	15/07/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18A	127	7.20	2.90	Khá	
102	22638871	Võ Anh	Hào	19/03/2004	An Giang	Nam	DHAV18A	127	7.80	3.23	Giỏi	
103	22634261	Đặng Phạm Mỹ	Huyền	03/07/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18A	127	7.80	3.20	Giỏi	
104	22634241	Lê Trần Tuấn	Khanh	03/01/2004	Đồng Tháp	Nam	DHAV18A	127	7.90	3.32	Giỏi	
105	22637711	Trần Nguyễn Đăng	Khoa	15/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18A	127	7.50	3.04	Khá	
106	22638431	Bùi Tú	Linh	24/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18A	127	7.30	2.95	Khá	
107	22639561	Cao Thị Thuỳ	Linh	25/11/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18A	127	7.10	2.80	Khá	
108	22639651	Nguyễn Thị Hoàng	Nga	14/06/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18A	127	7.60	3.10	Khá	
109	22640221	Lê Mai Ánh	Ngọc	24/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18A	127	7.60	3.10	Khá	
110	22634541	Lương Ánh	Nguyệt	15/08/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18A	127	7.70	3.17	Khá	
111	22639381	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	05/03/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18A	127	7.50	3.07	Khá	
112	22639621	Lê Trương Huyền	Thanh	02/02/2004	Thành phố Huế	Nữ	DHAV18A	127	7.30	2.96	Khá	
113	22636341	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18A	127	7.40	2.97	Khá	
114	22641001	Đào Anh	Thư	09/07/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18A	127	7.90	3.23	Giỏi	
115	22632041	Võ Phạm Anh	Thư	19/12/2004	Vĩnh Long	Nữ	DHAV18A	127	7.80	3.22	Giỏi	
116	22640501	Mai Mỹ	Tiên	16/01/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18A	127	7.70	3.12	Khá	
117	22636521	Nguyễn Thái Hồng	Trà	06/03/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18A	127	7.00	2.74	Khá	
118	22725031	Trương Thị Tú	Trâm	09/06/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18A	127	6.70	2.55	Khá	
119	22636441	Phạm Nguyễn Bảo	Trân	22/03/2004	Vĩnh Long	Nữ	DHAV18A	127	8.20	3.45	Giỏi	
120	22638211	Phan Thành	Trung	17/08/2004	Cà Mau	Nam	DHAV18A	127	6.70	2.55	Khá	
121	22639751	Đào Hoàng	Tú	28/07/2004	Đồng Nai	Nam	DHAV18A	127	7.10	2.81	Khá	
122	22639461	Ngô Lê Phương	Uyên	02/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18A	127	7.80	3.16	Khá	
123	22636061	Nguyễn Thị Phương	Uyên	23/12/2003	Lâm Đồng	Nữ	DHAV18A	127	7.30	2.92	Khá	
124	22641791	Hứa Tường	Vy	16/11/2004	Cà Mau	Nữ	DHAV18A	127	6.90	2.71	Khá	
125	22634901	Nguyễn Thụy Như	Ý	23/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18A	127	7.40	2.99	Khá	
126	22648571	Đặng Thị Ngọc	Ánh	21/01/2004	Ninh Bình	Nữ	DHAV18B	127	7.60	3.10	Khá	
127	22648911	Đặng Thanh	Bích	29/08/1998	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18B	127	8.10	3.36	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
128	22648181	Mai Thị Phương	Duyên	30/08/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18B	127	7.50	3.05	Khá	
129	22645771	Trần Xuân	Hoài	10/10/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18B	127	7.20	2.87	Khá	
130	22651071	Nguyễn Thị Kim	Huệ	10/07/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18B	127	7.70	3.19	Khá	
131	22649481	Nguyễn Thu	Huyền	10/08/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18B	127	7.00	2.73	Khá	
132	22652561	Trần Minh	Khoa	17/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18B	127	7.80	3.23	Giỏi	
133	22648391	Nguyễn Trúc	Lam	20/07/2004	Cà Mau	Nữ	DHAV18B	127	7.40	3.01	Khá	
134	22648101	Đàm Thị Kim	Liên	08/01/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18B	127	7.40	2.96	Khá	
135	22647491	Nguyễn Hà Trà	My	12/08/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18B	127	7.20	2.87	Khá	
136	22649611	Trần Thị Tuyết	Ngân	16/09/2004	An Giang	Nữ	DHAV18B	127	6.60	2.54	Khá	
137	22644591	Trang Thanh	Ngân	25/06/2004	An Giang	Nữ	DHAV18B	127	7.90	3.26	Giỏi	
138	22650031	Lưu Thị Mỹ	Nhớ	01/04/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18B	127	7.00	2.74	Khá	
139	22649441	Huỳnh Tâm	Như	19/08/2004	An Giang	Nữ	DHAV18B	127	7.30	2.92	Khá	
140	22642141	Vũ Quỳnh	Như	11/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18B	127	7.50	3.10	Khá	
141	22651031	Dương Tấn	Phước	15/07/2004	Đồng Tháp	Nam	DHAV18B	127	6.60	2.50	Khá	
142	22644011	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18B	127	7.00	2.74	Khá	
143	22642571	Đặng Văn	Thanh	08/10/2004	Ninh Bình	Nam	DHAV18B	127	6.80	2.63	Khá	
144	22642491	Nguyễn Thụy Ngọc	Thanh	08/03/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18B	127	7.90	3.22	Giỏi	
145	22642241	Nguyễn Hoài Anh	Thư	21/09/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18B	127	6.90	2.73	Khá	
146	22645401	Phạm Ngọc Anh	Thư	18/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18B	127	6.60	2.50	Khá	
147	22647351	Phạm Ngọc	Thúy	26/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18B	127	7.00	2.72	Khá	
148	22643421	Nguyễn Phạm Quỳnh	Tiên	22/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18B	127	7.40	3.01	Khá	
149	22648441	Hoàng Ngọc Bảo	Trân	20/03/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18B	127	7.10	2.81	Khá	
150	22642761	Nguyễn Thị Thu	Trinh	17/03/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18B	127	6.90	2.68	Khá	
151	22648471	Hồ Thị Cẩm	Tú	22/09/2004	Quảng Ngãi	Nữ	DHAV18B	127	7.20	2.88	Khá	
152	22644641	Đào Thị Thúy	Vy	15/12/2004	An Giang	Nữ	DHAV18B	127	6.90	2.65	Khá	
153	22648551	Trần Nguyễn Thúy	Vy	05/10/2004	Vĩnh Long	Nữ	DHAV18B	127	7.40	2.96	Khá	
154	22659801	Phạm	Duy	17/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18C	127	8.30	3.49	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
155	22658111	Nguyễn Thụy Kiều	Duyên	02/08/2004	Lâm Đồng	Nữ	DHAV18C	127	7.10	2.79	Khá	
156	22653321	Phạm Thị Minh	Hân	26/06/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18C	127	7.20	2.86	Khá	
157	22663051	Phạm Trần Quỳnh	Hương	10/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	DHAV18C	127	8.10	3.40	Giỏi	
158	22662471	Đào Nguyên	Khang	11/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18C	127	7.90	3.29	Giỏi	
159	22662571	Nguyễn Thị	My	06/11/2004	Cà Mau	Nữ	DHAV18C	127	7.00	2.77	Khá	
160	22656581	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	17/04/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18C	127	7.70	3.17	Khá	
161	22656071	Ngô Thị Quỳnh	Như	24/04/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18C	127	7.20	2.87	Khá	
162	22654141	Nguyễn Kim	Như	27/04/2004	Vĩnh Long	Nữ	DHAV18C	127	6.30	2.30	Trung bình	
163	22664501	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	16/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18C	127	7.30	2.91	Khá	
164	22657021	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	02/12/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18C	127	7.50	3.06	Khá	
165	22660551	Lê Anh	Thảo	18/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18C	127	7.90	3.27	Giỏi	
166	22664861	Đỗ Anh	Thư	24/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18C	127	6.60	2.50	Khá	
167	22654811	Phạm Thị Anh	Thư	20/05/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18C	127	7.80	3.18	Khá	
168	22656951	Trần Thị Huyền	Trân	21/11/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18C	127	7.00	2.74	Khá	
169	22662081	Huỳnh Thị Thùy	Trang	07/03/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18C	127	7.10	2.80	Khá	
170	22657331	Nguyễn Anh	Triết	25/06/2004	Đồng Nai	Nam	DHAV18C	127	7.10	2.78	Khá	
171	22663641	Trần Thị Quế	Trinh	28/10/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18C	127	7.40	2.97	Khá	
172	22662241	Đỗ Thanh	Trúc	26/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18C	127	7.30	2.89	Khá	
173	22661281	Nguyễn Tường	Vy	24/03/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18C	127	6.80	2.59	Khá	
174	22656331	Trương Thị Ngọc	Yến	20/07/2004	An Giang	Nữ	DHAV18C	127	7.40	2.99	Khá	
175	22673291	Nguyễn Hồng	Ân	18/04/2004	An Giang	Nam	DHAV18D	127	7.30	2.93	Khá	
176	22672101	Nguyễn Ái Hạnh	Dung	22/11/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18D	127	7.50	3.05	Khá	
177	22674261	Nguyễn Trà Kỳ	Duyên	08/10/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18D	127	6.90	2.72	Khá	
178	22671651	Châu Hà	Giang	09/06/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18D	127	7.10	2.76	Khá	
179	22668861	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/10/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18D	127	7.30	2.93	Khá	
180	22669951	Nguyễn Xuân	Nhi	19/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18D	127	7.20	2.84	Khá	
181	22671671	Phạm Minh	Nhựt	19/09/2004	Đồng Tháp	Nam	DHAV18D	127	7.30	2.97	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
182	22674571	Nguyễn Thị Mai	Phương	04/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18D	127	7.20	2.85	Khá	
183	22672521	Nguyễn Thị Kim	Quyên	14/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18D	127	6.90	2.70	Khá	
184	22671931	Nguyễn Thành	Thái	18/06/2004	Đồng Tháp	Nam	DHAV18D	127	7.60	3.07	Khá	
185	22676411	Huỳnh Thanh	Thảo	28/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18D	127	7.20	2.84	Khá	
186	22677931	Huỳnh Ngọc Gia	Thuần	25/09/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18D	127	6.80	2.61	Khá	
187	22669861	Trương Nguyễn Thủy	Tiên	01/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18D	127	7.30	2.93	Khá	
188	22666061	Nguyễn Bích	Trân	09/10/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18D	127	6.40	2.31	Trung bình	
189	22671371	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/05/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18D	127	7.90	3.27	Giỏi	
190	22670311	Nguyễn Trần Bảo	Tuấn	10/12/2004	Gia Lai	Nam	DHAV18D	127	6.80	2.63	Khá	
191	22689901	Nguyễn Thị Hải	An	20/02/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18E	127	8.10	3.37	Giỏi	
192	22682341	Nguyễn Thị Vân	Anh	22/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	DHAV18E	127	7.00	2.74	Khá	
193	22684671	Bùi Thị Tuyết	Dung	31/03/2002	Lâm Đồng	Nữ	DHAV18E	127	7.30	2.96	Khá	
194	22681641	Phan Gia	Hân	31/07/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18E	127	7.50	3.04	Khá	
195	22683671	Nguyễn Thanh	Hằng	21/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18E	127	6.70	2.55	Khá	
196	22688111	Huỳnh Anh	Huy	12/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18E	127	7.30	2.96	Khá	
197	22681421	Lý Kim	Liên	05/02/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18E	127	7.30	2.89	Khá	
198	22682981	Võ Nguyễn Phi	Long	25/03/2004	Đắk Lắk	Nam	DHAV18E	127	7.40	2.94	Khá	
199	22680921	Nguyễn Bùi Phương	Ly	21/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18E	127	6.80	2.62	Khá	
200	22680391	Nguyễn Kim Giang	Min	22/01/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18E	127	6.10	2.09	Trung bình	
201	22684871	Đinh Lê Thiên	Minh	24/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18E	127	6.90	2.70	Khá	
202	22688511	Trần Thị Kim	Nguyên	29/01/2004	Vĩnh Long	Nữ	DHAV18E	127	7.80	3.25	Giỏi	
203	22679081	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	09/10/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18E	127	6.80	2.62	Khá	
204	22686781	Vũ Huyền Khánh	Như	20/08/2004	Thành phố Hà Nội	Nữ	DHAV18E	127	7.60	3.08	Khá	
205	22679501	Tôn Nữ Hồng	Nhung	06/04/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18E	127	7.10	2.81	Khá	
206	22680221	Nguyễn Kim	Phúc	12/06/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18E	127	7.60	3.09	Khá	
207	22687391	Trần Lê Uyên	Phương	07/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18E	127	6.80	2.59	Khá	
208	22686601	Nguyễn Thị	Phượng	04/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18E	127	7.40	3.00	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCTK_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
209	22685261	Trần Thị Tuyết	Quyên	06/02/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18E	127	7.20	2.88	Khá	
210	22688381	Mai Nguyễn Như	Quỳnh	26/11/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18E	127	7.30	2.95	Khá	
211	22683821	Nguyễn Đào Như	Quỳnh	08/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18E	127	6.80	2.63	Khá	
212	22688451	Nguyễn Thị	Thắm	06/02/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18E	127	7.10	2.78	Khá	
213	22683531	Nguyễn Vũ	Thanh	25/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18E	127	7.90	3.25	Giỏi	
214	22680181	Đỗ Thị Hoài	Thu	10/09/2004	Thanh Hóa	Nữ	DHAV18E	127	6.90	2.73	Khá	
215	22690231	Trang Thị Cẩm	Thu	10/06/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18E	127	7.20	2.84	Khá	
216	22688101	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	03/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18E	127	7.70	3.15	Khá	
217	22689941	Nguyễn Ngọc Xuân	Vy	09/04/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18E	127	6.60	2.49	Trung bình	
218	22683921	Nguyễn Thị Tường	Vy	07/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18E	127	7.50	3.07	Khá	
219	22690011	Trần Tường	Vy	19/12/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18E	127	6.70	2.63	Khá	
220	22694591	Trần Quốc	Đạt	29/12/2004	Đồng Nai	Nam	DHAV18F	127	7.00	2.76	Khá	
221	22702301	Sơn Thị Ngọc	Duy	17/04/2004	Vĩnh Long	Nữ	DHAV18F	127	7.40	2.99	Khá	
222	22697261	Trần Nguyễn Thanh	Hằng	23/03/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18F	127	7.10	2.82	Khá	
223	22694861	Lâm Thiên	Kim	26/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18F	127	7.60	3.08	Khá	
224	22692801	Phạm Thảo Tường	Lan	26/02/2004	Lâm Đồng	Nữ	DHAV18F	127	7.00	2.78	Khá	
225	22700741	Đào Thảo	Linh	25/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18F	127	7.80	3.19	Khá	
226	22701001	Nguyễn Đặng Thùy	Linh	12/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18F	127	7.10	2.81	Khá	
227	22697081	Hồng Thị Thanh	Ngân	26/12/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18F	127	6.60	2.48	Trung bình	
228	22696231	Trần Kim	Quyên	31/03/2003	Cà Mau	Nữ	DHAV18F	127	7.80	3.21	Giỏi	
229	22698281	Ngô Thanh	Thảo	20/01/2004	Thanh Hóa	Nữ	DHAV18F	127	7.80	3.24	Giỏi	
230	22698611	Nguyễn Thị Thu	Thương	19/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18F	127	7.70	3.17	Khá	
231	22693001	Phạm Thái Cẩm	Tú	01/01/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18F	127	7.60	3.09	Khá	
232	22708031	Nguyễn Lê Việt	Ái	27/08/2004	An Giang	Nữ	DHAV18G	127	7.00	2.74	Khá	
233	22713171	Trần Thị Ngọc	Bích	26/07/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18G	127	7.10	2.83	Khá	
234	22708131	Võ Huỳnh Ngọc	Hân	26/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18G	127	6.90	2.69	Khá	
235	22710361	Nguyễn Hồng	Hạnh	19/10/2004	Hưng Yên	Nữ	DHAV18G	127	7.80	3.23	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
236	22711591	Nguyễn Tuấn	Hiệp	16/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18G	127	7.30	2.92	Khá	
237	22712581	Lê Ngọc Minh	Khoa	24/07/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18G	127	7.00	2.75	Khá	
238	22707261	Châu Ngọc Yến	Linh	15/11/2004	An Giang	Nữ	DHAV18G	127	7.00	2.72	Khá	
239	22706691	Tô Thị Trúc	Ly	17/02/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18G	127	7.00	2.76	Khá	
240	22705761	Huỳnh Ngọc Khánh	Mai	30/05/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18G	127	7.20	2.90	Khá	
241	22705771	Huỳnh Ngọc Xuân	Mai	30/05/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18G	127	7.40	2.97	Khá	
242	22711301	Trần Lê Thanh	Ngân	23/11/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18G	127	7.90	3.23	Giỏi	
243	22713921	Bùi Thị Thảo	Nguyên	25/06/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18G	127	7.80	3.22	Giỏi	
244	22703791	Vũ Đoàn Quỳnh	Như	06/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18G	127	8.20	3.40	Giỏi	
245	22706381	Nguyễn Hoàng Lâm	Oanh	20/05/2004	Quảng Trị	Nữ	DHAV18G	127	7.80	3.23	Giỏi	
246	22710701	Lê Hà	Phương	21/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18G	127	7.50	3.03	Khá	
247	22707711	Phạm Thị Hà	Phương	31/08/2004	Thanh Hóa	Nữ	DHAV18G	127	6.50	2.43	Trung bình	
248	22708171	Trần Trương Tuyết	Sương	18/12/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18G	127	7.50	3.07	Khá	
249	22710581	Lê Nguyễn Phương	Tài	10/10/2004	Đồng Tháp	Nam	DHAV18G	127	7.40	2.99	Khá	
250	22708661	Lê Phạm Bích	Thảo	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18G	127	7.40	2.97	Khá	
251	22712231	Trần Yến	Vy	13/03/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18G	127	7.30	2.90	Khá	
252	22715901	Luyện Vân	Anh	05/11/2004	Nghệ An	Nữ	DHAV18H	127	7.90	3.29	Giỏi	
253	22721811	Đặng Nguyễn Quỳnh	Hương	03/08/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18H	127	7.50	3.08	Khá	
254	22715651	Lê Thị Kim	Loan	15/03/2004	Lâm Đồng	Nữ	DHAV18H	127	7.20	2.85	Khá	
255	22721601	Thân Thị Thảo	Ly	07/03/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18H	127	7.90	3.31	Giỏi	
256	22720331	Huỳnh Thị Hiếu	Ngân	11/11/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18H	127	7.60	3.13	Khá	
257	22716791	Nguyễn Phương	Ngân	16/08/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18H	127	7.80	3.19	Khá	
258	22721511	Phạm Thị Kim	Ngọc	13/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18H	127	7.10	2.84	Khá	
259	22716581	Lê Thị Yến	Nhi	30/06/2004	Hà Tĩnh	Nữ	DHAV18H	127	7.20	2.84	Khá	
260	22718361	Phạm Thị Linh	Nhi	23/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18H	127	8.00	3.33	Giỏi	
261	22716621	Lê Đức	Quang	29/12/2004	Đồng Nai	Nam	DHAV18H	127	7.30	2.98	Khá	
262	22717761	Nguyễn Phương	Thảo	15/05/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18H	127	6.60	2.46	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
263	22717021	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18H	127	6.80	2.63	Khá	
264	22724491	Đào Minh	Thư	04/09/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18H	127	7.10	2.80	Khá	
265	22717541	Tô Thị Anh	Thư	15/09/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18H	127	7.40	3.00	Khá	
266	22719391	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	13/01/2004	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18H	127	6.60	2.50	Khá	
267	22723641	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	10/12/2004	An Giang	Nữ	DHAV18H	127	7.40	2.99	Khá	
268	22715381	Phan Thị Ngọc	Trầm	03/10/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV18H	127	7.00	2.75	Khá	
269	22718311	Khoa Phương Thùy	Trang	07/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18H	127	7.70	3.16	Khá	
270	22718521	Phan Thị Thùy	Trang	25/06/2004	Hà Tĩnh	Nữ	DHAV18H	127	6.80	2.65	Khá	
271	22720011	Lê Thái Thu	Trinh	21/08/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18H	127	7.60	3.05	Khá	
272	22715521	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	27/02/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18H	127	7.40	2.97	Khá	
273	22723091	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	26/05/2004	Đồng Nai	Nữ	DHAV18H	127	7.40	3.04	Khá	
274	22720401	Võ Ngọc Như	Ý	15/04/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18H	127	7.70	3.15	Khá	
275	22725571	Đinh Thị Thanh	Chúc	21/04/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18I	127	7.20	2.89	Khá	
276	22729611	Nguyễn Thị	Hằng	25/01/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18I	127	7.00	2.73	Khá	
277	22728921	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/12/2004	Hà Tĩnh	Nữ	DHAV18I	127	7.60	3.05	Khá	
278	22731191	Nguyễn Hà Anh	Kiệt	25/08/2004	Đồng Tháp	Nam	DHAV18I	127	7.30	2.87	Khá	
279	22727411	Tiêu Lê Cẩm	Lệ	01/07/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18I	127	8.10	3.31	Giỏi	
280	22728491	Nguyễn Thị Khánh	Linh	04/04/2004	Đắk Lắk	Nữ	DHAV18I	127	7.20	2.89	Khá	
281	22728411	Nguyễn Thị Thiên	Ngân	16/04/2004	Tây Ninh	Nữ	DHAV18I	127	7.40	3.02	Khá	
282	22727001	Huỳnh Vương Hồng	Phúc	24/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18I	127	7.30	2.97	Khá	
283	22727381	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	26/02/2004	Gia Lai	Nữ	DHAV18I	127	7.70	3.13	Khá	
284	22725601	Trần Thanh	Thảo	24/07/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18I	127	6.60	2.54	Khá	
285	22729121	Lâm Mai Anh	Thư	09/01/2004	An Giang	Nữ	DHAV18I	127	7.10	2.77	Khá	
286	22731401	Lê Minh	Thư	14/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18I	127	8.00	3.31	Giỏi	
287	22726601	Huỳnh Đoàn	Trường	22/04/2004	Quảng Ngãi	Nam	DHAV18I	127	7.30	2.91	Khá	
288	22727431	Trương Thị Cẩm	Tú	24/04/2004	Lâm Đồng	Nữ	DHAV18I	127	7.30	2.91	Khá	
289	23742691	Hoàng Gia	Khánh	03/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV19CVL-CDCT	49	6.40	2.32	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
290	24002431	Nguyễn Hạ	Mỹ	19/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV20AVL	49	8.60	3.71	Xuất sắc	

Tổng cộng: **290**

TP.HCM, ngày 17 tháng 10 năm 2026

Ban Giám hiệu
(Họ tên và chữ ký)

HIỆU TRƯỞNG

Phan Hồng Hải

Phòng Đào tạo
(Họ tên và chữ ký)

ThS. Trần Thị Huế Chi

Trưởng khoa
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Trường Sa

Người lập biểu
(Họ tên và chữ ký)

Lê Thị Cẩm Tú